

Thứ hai, ngày 16 tháng 12 năm 2019

Vietnam Daily Review

Tiếp tục giảm điểm

Tổng quan

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 17/12/2019		●	
Tuần 16/12-20/12/2019		●	
Tháng 12/2019		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Dường như sự tích cực của thông tin về thỏa thuận giai đoạn 1 cơ bản gần hoàn tất không có tác động đến VN-Index trong phiên hôm nay. Theo đó, chỉ số dành toàn bộ thời gian giao dịch dưới mốc tham chiếu với biên độ nghiêng về phía bên bán khi có tới 178 cổ phiếu giảm điểm. VHM, VCB, MSN, CTG, MBB là các mã gây áp lực mạnh lên VN-Index. Trong bối cảnh đà hồi phục của thị trường chưa thực sự rõ ràng, nhà đầu tư nên giao dịch thận trọng và có thể cân nhắc mua vào tại những phiên chỉ số rung lắc.

Hợp đồng tương lai: Ngoại trừ VN30F2003, các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 895 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 16/12/2019, phần lớn chứng quyền đều giảm, trong khi chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về giá. Khối lượng giao dịch giảm nhẹ.

Danh mục i-Invest: Theme_Chiến tranh thương mại_0.6%. 16/19 danh mục Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục **Chiến tranh thương mại** - kỳ vọng KQKD tích cực và tăng trưởng nhờ căng thẳng chiến tranh thương mại - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.6%**, con số này của VNINDEX là -0.5%

Phân tích kỹ thuật: BVH_Hưng phấn (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **HPG, PNJ, KDH, TCB, BID**

Điểm nhấn

- VN-Index **-4.71 điểm**, đóng cửa 961.47. HNX-Index **+0.28 điểm**, đóng cửa 103.22.
- Kéo chỉ số tăng: **BVH (+1.03); VNM (+0.36); NVL (+0.28); PLX (+0.28); VRE (+0.24)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VHM (-2.81); VCB (-2.54); MSN (-0.44); CTG (-0.32); MBB (-0.27)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 3,126 tỷ đồng, +3.2% so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 5.61 điểm. Thị trường có 141 mã tăng, 62 mã tham chiếu và 178 mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **95.47 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm MBB (184.31 tỷ), VNM (24.21 tỷ) và VRE (18.44 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **3.49 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

961.47

Giá trị: 3126.76 tỷ

-4.71 (-0.49%)

Khối ngoại (ròng): 95.47 tỷ

HNX-INDEX

103.22

Giá trị: 227.52 tỷ

0.28 (0.27%)

Khối ngoại (ròng): -3.49 tỷ

UPCOM-INDEX

55.53

Giá trị: 157.72 tỷ

-0.2 (-0.36%)

Khối ngoại (ròng): -5.05 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	60.2	0.15%
Giá vàng	1,476	-0.05%
Tỷ giá USD/VND	23,171	-0.02%
Tỷ giá EUR/VND	25,768	-0.52%
Tỷ giá JPY/VND	21,171	-0.10%
LS liên NH 1 tháng	4.0%	4.88%
LS TPCP 5 năm	2.2%	0.37%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
MBB	184.3	VHM	-47.1
VNM	24.2	VCB	-35.9
VRE	18.4	HPG	-23.1
E1VFN30	14.8	VJC	-18.9
BID	9.0	KBC	-13.5

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Cổ phiếu lớn	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
iBroker	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* **16/19 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục **Chiến tranh thương mại** - kỳ vọng KQKD tích cực và tăng trưởng nhờ căng thẳng chiến tranh thương mại - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.6%**, con số này của VNINDEX là -0.5%

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** gồm những mã cổ phiếu có triển vọng khả quan trong dài hạn:

- **11/18 danh mục Mục tiêu** có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**
- **4/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro** có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Chiến tranh thương mại_0.6%

Danh mục	Hiệu suất danh mục							Rủi ro ước tính
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề							
Chiến tranh thương mại	0.6%	0.3%	-2.8%	-4.1%	-7.4%	1.5%	15.4%	15.4%
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.5%	0.2%	-4.5%	-1.6%	-9.9%	-15.1%	51.2%	21.2%
Nước & Năng lượng	0.4%	-0.4%	-3.1%	-4.0%	-5.6%	7.2%	50.3%	14.2%
Xây dựng	0.3%	-1.2%	-6.2%	-12.4%	-11.8%	-15.4%	21.1%	18.0%
Dầu khí	0.2%	-0.8%	-7.4%	-8.5%	-9.4%	-2.9%	17.2%	22.7%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.0%	0.6%	2.9%	3.6%	-0.5%	16.3%	58.2%	14.6%
Xây dựng & Vật liệu XD	-0.1%	-1.2%	-3.8%	-4.6%	-4.5%	-8.5%	-3.9%	17.3%
Vật liệu Xây dựng	-0.1%	0.0%	-0.5%	0.3%	3.8%	5.2%	12.1%	18.6%
Hàng tiêu dùng	-0.2%	-1.0%	-8.6%	-9.6%	-0.1%	-1.5%	53.9%	17.5%
Lãi suất giảm	-0.2%	-0.1%	-3.0%	-4.6%	-4.5%	-3.5%	53.5%	17.8%
Cổ phiếu hết room ngoại	-0.3%	1.4%	-4.8%	-4.2%	8.4%	7.7%	72.3%	17.0%
Top 10 cổ phiếu VN30	-0.3%	0.3%	-5.0%	-4.2%	1.3%	0.3%	66.9%	14.4%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-0.4%	-0.2%	-4.3%	-3.6%	7.7%	9.9%	85.6%	16.1%
BDS & Khu công nghiệp	-0.4%	-0.5%	-4.4%	-5.1%	1.1%	0.8%	57.5%	16.5%
FTSE Việt Nam	-0.5%	-1.5%	-4.0%	-3.3%	2.2%	4.0%	86.2%	14.9%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-0.5%	1.0%	-5.5%	-0.2%	3.8%	-1.8%	44.4%	19.9%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-0.6%	-1.7%	-5.3%	-4.7%	0.3%	1.8%	79.3%	13.8%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	-0.8%	1.1%	-4.1%	-0.1%	14.6%	23.0%	127.0%	19.0%
Ngân hàng	-1.0%	1.2%	-5.2%	1.1%	12.1%	7.6%	90.4%	22.1%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 15	0.9%	2.5%	-3.6%	-4.1%	4.5%	0.2%	61.9%	18.0%
Danh mục 18	0.1%	-0.9%	-2.2%	-1.8%	-0.6%	2.2%	122.0%	18.2%
Danh mục 6	0.1%	0.6%	-5.9%	-6.2%	6.6%	9.4%	94.0%	21.7%
Danh mục 1	-0.6%	0.1%	-2.7%	-0.8%	8.6%	6.5%	94.2%	15.8%
Danh mục 2	-1.1%	-0.5%	-5.8%	-4.3%	2.3%	8.3%	111.5%	16.4%
* Note	11/18 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX							

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 23	0.1%	-0.3%	-2.4%	-0.1%	0.1%	26.9%	121.0%	19.0%
Danh mục 25	-0.3%	0.0%	-4.3%	-4.5%	8.1%	30.5%	141.9%	17.9%
Danh mục 24	-0.3%	-0.4%	-4.5%	-3.9%	5.8%	17.9%	93.7%	20.1%
Danh mục 19	-0.9%	0.3%	-3.5%	-1.5%	9.8%	14.4%	61.3%	15.4%
Danh mục 22	-0.9%	0.0%	-2.5%	-2.8%	9.7%	15.3%	67.2%	16.4%
* Note	4/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX							

INDEX								
VNINDEX	-0.5%	-0.5%	-4.8%	-3.4%	0.2%	0.7%	45.6%	15.6%
VN30INDEX	-0.4%	-0.4%	-5.5%	-4.0%	1.4%	-5.0%	40.2%	15.9%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

BSC RESEARCH

12/16/2019

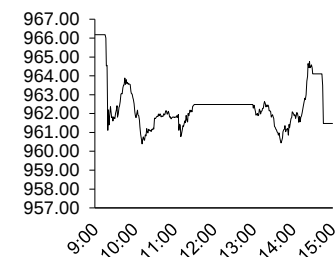
Vietnam Daily Review

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Hình 1

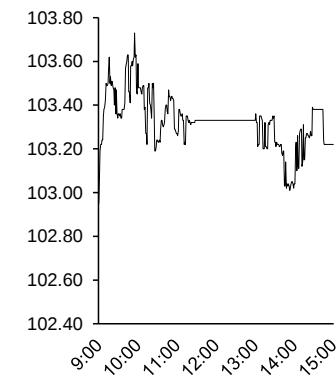
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Viễn thông	-7.9%
Ngân hàng	-1.3%
Bất động sản	-1.0%
Công nghệ Thông tin	-0.8%
Du lịch và Giải trí	-0.6%
Ô tô và phụ tùng	-0.5%
Y tế	-0.5%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.1%
Dịch vụ tài chính	-0.1%
Tài nguyên Cơ bản	-0.1%
Thực phẩm và đồ uống	-0.1%
Xây dựng và Vật liệu	0.1%
Bán lẻ	0.2%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.4%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.6%
Hóa chất	0.8%
Dầu khí	1.4%
Truyền thông	3.8%
Bảo hiểm	4.9%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

BVH_Hưng phấn

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Hồi phục.
- Chỉ báo xu hướng MACD: xuất hiện Golden Cross.
- Chỉ báo RSI: tăng mạnh vượt lên trên mốc 50 và chưa chạm vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 ở dưới EMA26.

Nhận định: BVH sau khi đã giảm giá kéo dài và chạm mốc 65 thì nay đã có sự hồi phục trở lại. Đặc biệt, thanh khoản trong phiên hôm nay tăng mạnh đã đẩy giá cổ phiếu tăng từ đầu phiên đến cuối phiên và đóng cửa tại mức giá trần. Do đó, chỉ báo động lượng RSI cũng tăng đột ngột vượt lên trên mốc 50 nhưng chưa đi vào vùng quá mua. Đáng chú ý, chỉ báo MACD đã xuất hiện Golden Cross xác nhận sự kết thúc chuỗi ngày không mấy tích cực của BVH. Tuy vậy, đường EMA12 vẫn nằm dưới EMA26 đồng thời cổ phiếu cũng gần tiếp cận vùng giá 75, ngưỡng kháng cự khá mạnh nên có thể xuất hiện sự điều chỉnh khi BVH chạm tới khu vực này. Nếu có thể duy trì đà hưng phấn và vượt qua được mốc cản trên, cổ phiếu có tiềm năng trở lại vùng giá trên 80 trong vài tuần tới.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Dự báo KQKD

Năm 2018, theo số liệu ước tính, doanh thu hợp nhất của Tập đoàn Bảo Việt đạt hơn 41.000 tỷ đồng, tương đương gần 2 tỷ USD. Đây được coi là một bước tiến quan trọng của Tập đoàn Bảo Việt sau khi cán mốc 1 tỷ USD vào năm 2016. Bên cạnh đó, Bảo Việt đứng đầu thị trường bảo hiểm ở cả 2 lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ và bảo hiểm phi nhân thọ.

Doanh thu bảo hiểm gốc của BVH tăng trưởng 22.8% trong đó bảo hiểm nhân thọ tăng trưởng 23.01% lên mức 21.5 nghìn tỷ đồng, bảo hiểm phi nhân thọ tăng trưởng 22% lên mức 9.8 nghìn tỷ đồng. Bảo hiểm phi nhân thọ của BVH ghi nhận tốc độ tăng trưởng rất tốt (22%, gấp đôi so với tăng trưởng bình quân ngành khoảng 10%) tuy nhiên tỉ lệ chi trả của mảng bảo hiểm này trong năm 2018 là tương đối cao (ở mức 55% so với 47% của năm 2017) khiến tỷ lệ chi trả chung của BVH năm nay tăng lên ở mức đáng kể.

Về cơ cấu tài sản: Tổng các khoản đầu tư tài chính của doanh nghiệp tăng tương đối mạnh, đạt 90.6 nghìn tỷ đồng tại 31/12/2018 (+30 yoy). Trong đó chủ yếu là các khoản tiền gửi ngắn hạn (chiếm 56.4% tăng 86% so với cuối năm 2017). Danh mục đầu tư trái phiếu, cổ phiếu của BVH tăng lên mức 2.8 nghìn tỷ giá trị thuần (+20% yoy), trong đó bao gồm khoảng 400 tỷ dự phòng.

Chi tiết tham khảo BSC – iBroker: Express BVH 2019Q1

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PNJ_Tăng giá

[Link](#)

BID_Tiến về vùng đỉnh cũ

[Link](#)

KDH_Bứt phá

[Link](#)

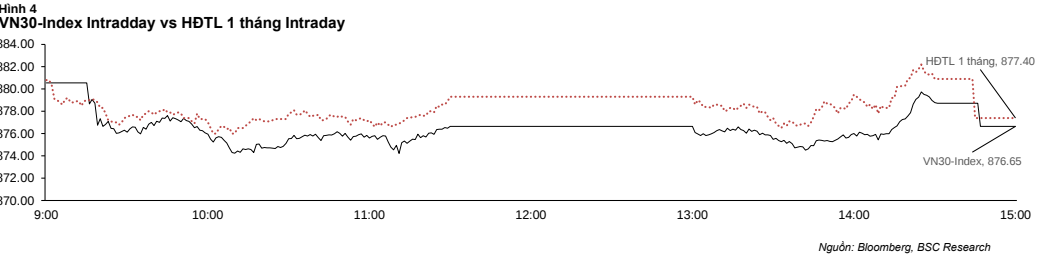
HPG_Tăng giá

[Link](#)

TCB_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Điểm	%	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F1912	877.40	-0.47%	0.75	-6.0%	64690	12/19/2019	5
VN30F2001	878.10	-0.72%	1.45	112.9%	1169	1/16/2020	33
VN30F2003	890.10	0.10%	13.45	55.0%	62	3/19/2020	96
VN30F2006	892.00	-0.13%	15.35	-13.3%	39	6/18/2020	187

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm -3.90 điểm xuống mức 876.65 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VHM, VCB, MSN, MBB, và VJC tác động mạnh đến điều chỉnh giảm của VN30. Trong phiên sáng, VN30 giảm mạnh ngay từ đầu phiên sáng, trước khi vận động tích lũy quanh ngưỡng 876 điểm. Sang phiên chiều, VN30 tiếp tục giằng co quanh vùng 875-876 điểm, trước khi biến động mạnh về cuối phiên. Thanh khoản giữ tại mức cao, VN30 có thể tiếp tục biến động mạnh trong vùng giá 870-885 điểm.
- Ngoại trừ VN30F2003, các HDTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, VN30F1912 và VN30F2003 đang giảm, trong khi VN30F2001 và VN30F2006 đang tăng. Điều này báo hiệu điều chỉnh giảm trong trung hạn và dài hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 895 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CNVL1901	KIS	2/7/2020	53	4:1	101,290	65.2%	5.0 triệu	17.83%	1,900	910	2.25%	35.20	25.85
CMWG1907	HSC	4/8/2020	114	10:1	107,280	20.2%	5.0 triệu	21.63%	1,900	920	2.22%	204.60	4.50
CREE1903	SSI	4/22/2020	128	1:1	14,810	0.0%	1.0 triệu	0.00%	7,600	5,400	1.69%	2,553.00	2.12
CMWG1903	HSC	12/30/2019	14	5:1	63,620	0.0%	2.0 triệu	21.89%	2,700	3,600	-0.28%	3,664.70	0.98
CVIC1902	SSI	4/22/2020	128	1:1	15,000	21.0%	1.0 triệu	16.12%	22,700	15,600	-0.89%	5,839.10	2.67
CMWG1904	SSI	12/30/2019	14	1:1	8,700	-37.9%	1.0 triệu	21.63%	14,000	22,700	-1.90%	23,363.80	0.97
CFPT1903	SSI	12/30/2019	14	1:1	9,350	-83.0%	2.0 triệu	20.99%	6,000	11,930	-2.77%	11,447.20	1.04
CVJC1902	SSI	4/22/2020	128	1:1	10,800	-15.6%	1.0 triệu	14.17%	27,900	27,220	-3.10%	15,627.20	1.74
CVNM1903	SSI	4/22/2020	128	1:1	12,290	12.8%	1.0 triệu	18.15%	26,600	15,430	-3.20%	5,421.10	2.85
CHPG1907	SSI	4/22/2020	128	1:1	293,600	0.0%	1.0 triệu	16.33%	4,200	4,660	-3.52%	3,383.60	1.38
CVRE1902	HSC	4/8/2020	114	4:1	241,650	49.7%	5.0 triệu	21.18%	1,300	1,300	-3.70%	667.90	1.95
CREE1904	VND	1/9/2020	24	2:1	53,440	66.2%	3.0 triệu	22.31%	3,400	1,630	-4.12%	1,394.90	1.17
CFPT1906	HSC	4/8/2020	114	5:1	74,970	-14.4%	5.0 triệu	20.99%	1,700	1,350	-4.26%	561.60	2.40
CFPT1905	SSI	4/22/2020	128	1:1	21,460	23.0%	1.0 triệu	20.99%	9,900	7,070	-5.10%	4,110.90	1.72
CMBB1905	HSC	4/8/2020	114	2:1	111,520	-19.9%	5.0 triệu	17.43%	1,700	980	-5.77%	184.40	5.31
CFPT1907	VND	1/9/2020	24	2:1	36,170	-26.3%	2.0 triệu	20.99%	4,200	2,360	-8.53%	1,907.60	1.24
CHPG1908	MBS	1/22/2020	37	2:1	42,510	14.0%	2.0 triệu	24.50%	1,450	1,910	-9.91%	1,682.60	1.14
CMBB1904	SSI	1/22/2020	37	1:1	103,630	39.2%	2.0 triệu	17.43%	2,900	1,420	-12.35%	272.00	5.22
CVHM1902	SSI	4/22/2020	128	1:1	51,770	239.5%	1.0 triệu	22.03%	18,600	12,500	-13.73%	5,777.20	2.16
CVHM1901	KIS	2/7/2020	53	4:1	27,710	65.1%	5.0 triệu	22.03%	3,100	2,340	-14.60%	404.70	5.78
CHPG1905	SSI	12/30/2019	14	1:1	311,880	-19.9%	1.0 triệu	24.50%	3,300	1,120	-15.15%	876.40	1.28
Tổng:					1,713,450		39.00 triệu	19.20%**					
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
					**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 16/12/2019, phần lớn chứng quyền đều giảm, trong khi chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về giá. Khối lượng giao dịch giảm nhẹ.
- Về giá, CHPG1905 và CVHM1901 giảm mạnh nhất lần lượt tại -15.15% và -14.60%. TThanh khoản thị trường giảm -6.21%. CHPG1905 tiếp tục có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 14.63% thị trường.
- Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là FPT, HPG và VJC, hầu hết các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CMWG1904 và CVJC1902 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CFPT1903 và CMWG1904 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
NVL	56.00	1.82	0.51
VNM	118.70	0.59	0.49
BVH	72.70	6.91	0.45
VRE	33.90	1.04	0.23
EIB	16.90	0.60	0.14

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VHM	86.1	-3.37	-1.55
VCB	86.0	-2.71	-0.98
MSN	56.7	-2.24	-0.84
MBB	21.4	-1.83	-0.76
VJC	143.0	-1.04	-0.54

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CNVL1901	69,688	62,088	56,000
CMWG1907	144,000	125,000	113,200
CREE1903	43,600	36,000	36,600
CMWG1903	25,800	95,000	113,200
CVIC1902	137,700	115,000	115,800
CMWG1904	165,000	90,000	113,200
CFPT1903	51,140	45,140	56,500
CVJC1902	157,900	130,000	143,000
CVNM1903	146,600	120,000	118,700
CHPG1907	25,200	21,000	23,750
CVRE1902	37,700	32,500	33,900
CREE1904	40,800	34,000	36,600
CFPT1906	65,500	57,000	56,500
CFPT1905	64,900	55,000	56,500
CMBB1905	26,400	23,000	21,400
CFPT1907	61,400	53,000	56,500
CHPG1908	23,400	20,500	23,750
CMBB1904	24,900	22,000	21,400
CVHM1902	103,600	85,000	86,100
CVHM1901	102,288	89,888	86,100
CHPG1905	93,300	23,100	23,750

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	113.2	0.2%	0.7	2,179	2.2	8,321	13.6	4.4	49.0%	37.7%
PNJ	Bán lẻ	83.6	0.1%	1.0	809	1.1	4,839	17.3	4.5	49.0%	28.6%
BVH	Bảo hiểm	72.7	6.9%	1.3	2,215	1.3	1,889	38.5	3.3	25.3%	8.7%
PVI	Bảo hiểm	31.1	-1.0%	0.7	312	0.1	2,801	11.1	1.0	54.3%	9.6%
VIC	Bất động sản	115.8	-0.2%	1.0	16,960	1.9	1,589	72.9	5.0	15.0%	7.8%
VRE	Bất động sản	33.9	1.0%	1.1	3,432	2.4	1,228	27.6	2.8	32.7%	8.8%
NVL	Bất động sản	56.0	1.8%	0.8	2,311	1.0	3,187	17.6	2.5	7.2%	15.5%
REE	Bất động sản	36.6	0.3%	1.0	493	1.3	5,614	6.5	1.1	49.0%	18.6%
DXG	Bất động sản	14.4	0.3%	1.5	328	0.9	3,215	4.5	0.9	45.6%	25.9%
SSI	Chứng khoán	19.1	-0.8%	1.4	421	0.7	1,769	10.8	1.0	55.5%	9.4%
VCI	Chứng khoán	31.4	-0.9%	1.0	224	0.1	5,067	6.2	1.4	37.3%	24.7%
HCM	Chứng khoán	23.2	1.3%	1.5	308	0.5	1,287	18.0	1.6	57.3%	10.2%
FPT	Công nghệ	56.5	-1.1%	0.8	1,666	2.4	4,688	12.1	2.8	49.0%	24.9%
FOX	Công nghệ	43.3	-6.9%	0.4	468	0.0	4,156	10.4	2.6	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	98.2	0.2%	1.6	8,172	0.7	5,886	16.7	4.1	3.6%	26.1%
PLX	Dầu khí	56.2	1.4%	1.5	2,910	0.3	3,467	16.2	3.0	13.4%	19.5%
PVS	Dầu khí	17.6	1.1%	1.7	366	0.8	2,062	8.5	0.7	21.8%	8.5%
BSR	Dầu khí	8.7	-1.1%	0.8	1,173	0.2	1,163	7.5	0.9	41.1%	11.0%
DHG	Dược	94.0	-1.1%	0.5	534	0.0	4,535	20.7	3.9	54.4%	19.4%
DPM	Hóa chất	13.5	1.5%	0.8	230	0.1	650	20.8	0.7	19.0%	3.7%
DCM	Hóa chất	6.7	2.1%	0.6	155	0.0	625	10.8	0.6	2.5%	5.5%
VCB	Ngân hàng	86.0	-2.7%	1.3	13,868	2.5	5,274	16.3	3.9	23.8%	27.1%
BID	Ngân hàng	41.9	0.0%	1.6	7,327	1.5	2,109	19.9	2.5	17.9%	13.5%
CTG	Ngân hàng	20.3	-1.5%	1.6	3,286	1.3	1,641	12.4	1.0	29.4%	8.5%
VPB	Ngân hàng	19.6	-0.3%	1.2	2,051	1.1	3,341	5.9	1.2	23.2%	22.7%
MBB	Ngân hàng	21.4	-1.8%	1.1	2,164	4.5	3,261	6.6	1.3	20.0%	21.8%
ACB	Ngân hàng	23.0	-0.9%	1.1	1,657	1.0	3,585	6.4	1.5	30.0%	25.9%
BMP	Nhựa	47.8	-0.2%	0.8	170	0.1	5,073	9.4	1.5	80.4%	16.5%
NTP	Nhựa	32.3	-1.2%	0.2	138	0.0	4,603	7.0	1.2	20.6%	17.8%
MSR	Tài nguyên	14.0	0.0%	1.3	602	0.0	732	19.1	1.0	2.2%	5.6%
HPG	Thép	23.8	-0.2%	1.0	2,851	5.3	2,526	9.4	1.4	38.1%	17.4%
HSG	Thép	8.4	0.5%	1.6	155	0.8	890	9.5	0.7	17.7%	6.8%
VNM	Tiêu dùng	118.7	0.6%	0.7	8,987	3.9	5,527	21.5	7.6	58.5%	36.5%
SAB	Tiêu dùng	233.0	-0.1%	0.8	6,496	0.1	7,365	31.6	8.4	63.3%	28.4%
MSN	Tiêu dùng	56.7	-2.2%	1.2	2,882	3.2	4,512	12.6	2.0	39.2%	20.5%
SBT	Tiêu dùng	18.6	0.3%	0.6	473	1.0	440	42.2	1.5	6.1%	3.5%
ACV	Vận tải	75.0	-0.1%	0.8	7,099	0.1	2,630	28.5	5.3	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	143.0	-1.0%	1.1	3,257	2.6	9,850	14.5	5.5	19.7%	43.3%
HVN	Vận tải	34.2	-1.2%	1.7	2,109	0.2	1,747	19.6	2.7	10.1%	13.4%
GMD	Vận tải	23.9	1.3%	0.8	309	0.2	1,949	12.3	1.1	49.0%	9.7%
PVT	Vận tải	16.8	0.0%	0.6	205	0.1	2,571	6.5	1.1	31.7%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	83.8	1.0%	1.0	583	0.6	8,338	10.1	4.2	2.1%	45.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	18.3	0.3%	0.7	357	0.1	1,398	13.1	1.3	13.4%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.3	-1.3%	0.8	253	0.0	1,912	8.0	1.0	6.5%	13.8%
CTD	Xây dựng	62.9	1.5%	0.8	209	0.1	9,842	6.4	0.6	47.8%	9.3%
VCG	Xây dựng	26.9	0.0%	1.0	517	0.1	1,557	17.3	1.8	0.5%	10.4%
CII	Xây dựng	22.8	0.0%	0.4	245	0.1	1,845	12.3	1.0	51.0%	8.8%
POW	Điện	12.7	2.4%	0.6	1,288	0.8	820	15.4	1.2	14.0%	7.8%
NT2	Điện	22.4	0.0%	0.6	280	0.1	2,721	8.2	1.5	18.7%	20.0%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BVH	72.70	6.91	0.96	434040.00
VNM	118.70	0.59	0.36	751280.00
PLX	56.20	1.44	0.30	120880.00
NVL	56.00	1.82	0.27	430720.00
VRE	33.90	1.04	0.24	1.61MLN

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	6.40	6.67	0.45	8.21MLN
PVS	17.60	1.15	0.05	1.00MLN
L14	67.80	3.67	0.03	180000.00
VCS	83.80	0.96	0.03	160500.00
DGC	28.00	1.08	0.02	185200.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	86.10	-3.37	-2.93	1.44MLN
VCB	86.00	-2.71	-2.60	665550.00
MSN	56.70	-2.24	-0.44	1.30MLN
CTG	20.30	-1.46	-0.33	1.44MLN
MBB	21.40	-1.83	-0.27	4.77MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	23.00	-0.86	-0.33	951000.00
DP3	73.00	-7.36	-0.03	1700.00
CTB	31.00	-8.55	-0.03	100.00
HUT	2.40	-4.00	-0.02	417700.00
IDC	18.60	-2.62	-0.02	48500.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HAI	4.13	6.99	0.01	4.31MLN
RIC	5.36	6.99	0.00	370.00
CLG	3.68	6.98	0.00	180600.00
YEG	43.00	6.97	0.03	11780.00
PGD	57.20	6.92	0.10	31600.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NHP	0.50	25.0	0.00	1700.00
HKB	0.60	20.0	0.01	9500.00
BII	1.00	11.1	0.00	79800.00
SPI	1.10	10.0	0.00	245100.00
TMB	11.00	10.0	0.01	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DXV	3.72	-7.00	0.00	100.00
HTT	1.20	-6.98	0.00	81560.00
RDP	7.26	-6.92	-0.01	1020.00
JVC	3.50	-6.91	-0.01	1.94MLN
TTB	4.31	-6.91	0.00	5.50MLN

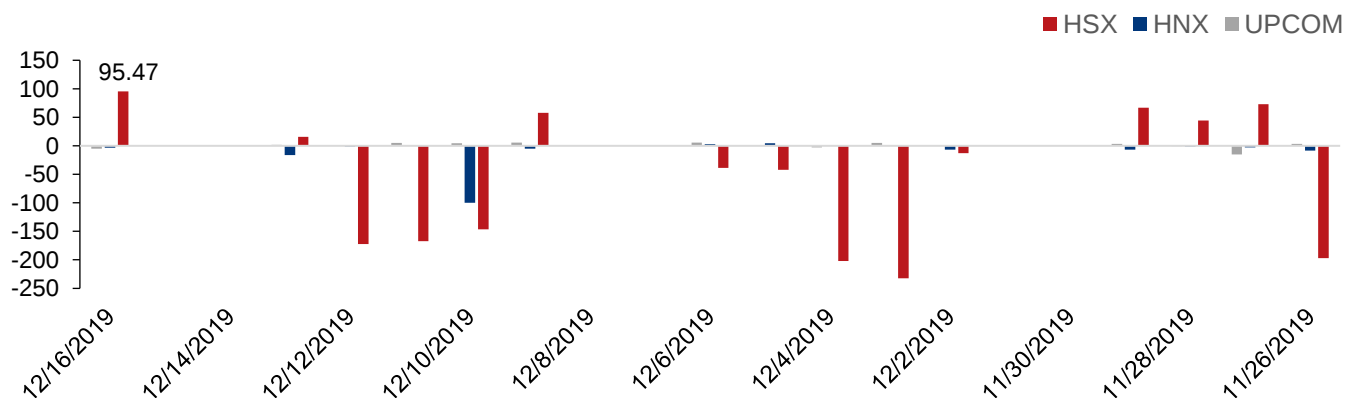
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VTJ	5.40	-10.00	-0.01	100.00
SIC	8.70	-9.38	-0.01	3000.00
DNM	7.90	-9.20	0.00	100.00
FID	1.00	-9.09	0.00	12500.00
VHE	7.10	-8.97	0.00	1000.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2018	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
4	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
5	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
6	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
7	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
8	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
9	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
10	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
11	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hỏi	Phân tích vĩ mô		Click
12	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
13	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
14	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
15	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
16	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
17	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
18	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
19	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	ACB	Ngân hàng	Mua	10/12/2019	22.8	27.8	23.0	3,585	6.4	1.5	Click
2	AAA	Sản xuất	Theo dõi	4/12/2019	13.9	15.9	14.1	2,692	5.2	0.8	Click
3	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	4/12/2019	23.4	26.0	23.2	2,660	8.7	1.4	Click
4	VTP	Vận tải	Mua	25/11/2019	125.1	162.5	112.1	6,216	18.0	6.8	Click
5	VCB	Ngân hàng	Mua	25/11/2020	84.5	121.0	86.0	5,274	16.3	3.9	Click
6	HDG	Bất động sản	Mua	13/11/2019	34.8	42.3	32.7	9,530	3.4	1.7	Click
7	FPT	CNTT	Mua	13/11/2019	60.5	75.3	56.5	4,688	12.1	2.8	Click
8	DGW	Bán lẻ	Mua	31/10/2019	25.5	30.8	23.6	3,491	6.8	1.1	Click
9	PC1	Điện	Mua mạnh	14/10/2019	20.0	29.1	17.5	2,246	7.8	0.8	Click
10	TRC	Cao su	Theo dõi	10/1/2019	38.0	N/a	40.0	3,678	10.9	0.8	Click
11	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	30/09/2019	78.5	82.7	56.7	4,512	12.6	2.0	Click
12	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	130.0	142.1	118.7	5,527	21.5	7.6	Click
13	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	22.3	26.0	21.0	2,887	7.3	1.5	Click
14	REE	Công nghiệp	Mua	27/09/2021	39.5	48.0	36.6	5,614	6.5	1.1	Click
15	VHC	Thủy sản	Mua	25/09/2019	79.0	93.5	78.4	14,958	5.2	1.5	Click
16	LCG	Xây dựng	Mua	25/09/2019	9.6	11.3	8.3	2,279	3.6	0.5	Click
17	ACB	Ngân hàng	Mua	23/09/2019	22.2	26.3	23.0	3,585	6.4	1.5	Click
18	DIG	Bất động sản	Mua	23/09/2019	13.6	16.3	13.7	1,079	12.6	1.2	Click
19	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	17/09/2019	81.9	90.0	86.0	5,274	16.3	3.9	Click
20	DRC	Cao su	Theo dõi	13/09/2019	22.4	25.5	23.0	1,723	13.3	1.7	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express TNG 2019Q4	5/11/2019	Giá tại Publish 15000 Năm 2020, doanh thu dự kiến là 4,950 tỷ, trong đó (1) xuất khẩu là 4,850 tỷ (2) thời trang nội địa là 100 tỷ. Khách hàng: Decathlon chiếm 40% tổng DT, là người cung cấp nguyên liệu (Anh Đức: Decathlon giao đến cảng Hải Phòng rồi TNG ra nhận, Anh Hoàng – chủ kho Sông Công 2: Decathlon giao đến tận kho). Vấn đề tồn kho: Tồn kho tăng cao là đặc thù của ngành chung. Các doanh nghiệp may phục vụ theo đơn hàng => tồn kho chắc chắn sẽ xuất được xưởng (Cmt: trong TH khách hàng vẫn hoạt động bình thường. Vẫn còn rủi ro đặt hàng xong ko lấy, lấy hàng xong ko trả tiền - > nợ xấu) Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 60500 BSC dự báo doanh thu thuần của MSH năm 2019 đạt 4,472 tỷ đồng (+13.2% YoY) với giả định doanh thu hàng may mặc xuất khẩu đạt 174.7 triệu USD (+13.6% YoY) với động lực đến từ các khách hàng Haddad (+38%), G-III (+32%), Columbia (+10%) trong khi mảng chân ga gối tương đương cùng kỳ. Biên LNG tương đương 2018 ở mức 20.1%, biên EBIT cải thiện từ 11.1% lên 11.7% nhờ tiết giảm CPBH và QLDN. LNST ước đạt 420 tỷ (+13.5% YoY), EPS = 8,170 đồng/CP (giả định trích quỹ KTPL 5% LNST). Kế hoạch 2019-2023: (i) Hoàn thành thủ tục và di dời các xưởng may trong nội thành (1-6) ra cụm CN xã Mỹ Tân, Mỹ Lộc, Nam Định (21ha), vốn đầu tư 500 -550 tỷ, phát triển thành khu sản xuất tập trung của MSH, sau đó thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại các NM di dời (khoảng 8ha). Việc di dời sẽ thực hiện theo hình thức cuốn chiếu nên sẽ không ảnh hưởng đến sản xuất. (ii) Đạt doanh thu 5,000 tỷ năm 2021 (CAGR =7.8%), cổ tức 35-45%/năm.
Express MSH 2019Q	3/12/2019	Giá tại Publish 11400 Năm 2020, dự kiến DT đạt 560 – 600 tỷ (+50% YoY). Dù ngành đang (1) đơn hàng ít (2) chi phí cao nhưng TDT vẫn đạt KH cao dựa trên (1) lượng NM mới thấp (2) Khách hàng đang tốt (3) Chi phí đầu tư nhà máy thấp (4) Hưởng ưu đãi về thuế. Hiện tại đang vận hành 10 dây chuyền, với 500 công nhân, chủ yếu là CMT (Thời gian xây lắp là 6 tháng). Hiện đang hoàn thiện thêm kho, khu giặt và khu xưởng 2, nhà ở cho khách. Năm 2020, vận hành tổng cộng 18 dây chuyền (+8 chuyền) với 50 công nhân/chuyên (chuyên lớn). Tổng cộng lao động của TDT là 2,500 công nhân. Capacity tăng 50% YoY do (1) các dây chuyền mới chạy full year (2) Nhân viên quen tay nên NS tăng Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 94000 Trong 10% của quỹ khen thưởng phúc lợi, thay vì trích trong DHCD thì mình chỉ phân phối 3% và ghi nhận chi phí là 7%, => tính cùng kỳ, lợi nhuận thực hiện bằng nhau: Q3.18 : 151 tỷ, Q3.19 153 tỷ . Thuế Q3 gộp cao hơn do từ 2019 – 2027, ko được ưu đãi 0% mà là 5% -> ảnh hưởng thuế là 14 tỷ. Lũy kế DTT -2%, LNTT -6% nếu adjust thì DT +9%. Các khoản chi phí 2 – 3 năm ko tăng, nguyên liệu tăng chút đỉnh. Biên LNG giảm từ 46% còn 42% do (1) thay đổi cấu trúc ngành hàng: tăng tỷ trọng hàng khác (2) trong COGS hàng sản xuất -1%: ghi nhận chi phí từ thay đổi cách hạch toán welfare fund và 10 tỷ tăng thêm do NVL tăng. Chi phí NVL trong Q4.2019 sẽ không tăng do đã mua đủ hàng cho nhu cầu.
Express TDT 2019Q4	5/12/2019	Giá tại Publish 11400 Năm 2020, dự kiến DT đạt 560 – 600 tỷ (+50% YoY). Dù ngành đang (1) đơn hàng ít (2) chi phí cao nhưng TDT vẫn đạt KH cao dựa trên (1) lượng NM mới thấp (2) Khách hàng đang tốt (3) Chi phí đầu tư nhà máy thấp (4) Hưởng ưu đãi về thuế. Hiện tại đang vận hành 10 dây chuyền, với 500 công nhân, chủ yếu là CMT (Thời gian xây lắp là 6 tháng). Hiện đang hoàn thiện thêm kho, khu giặt và khu xưởng 2, nhà ở cho khách. Năm 2020, vận hành tổng cộng 18 dây chuyền (+8 chuyền) với 50 công nhân/chuyên (chuyên lớn). Tổng cộng lao động của TDT là 2,500 công nhân. Capacity tăng 50% YoY do (1) các dây chuyền mới chạy full year (2) Nhân viên quen tay nên NS tăng Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 94000 Trong 10% của quỹ khen thưởng phúc lợi, thay vì trích trong DHCD thì mình chỉ phân phối 3% và ghi nhận chi phí là 7%, => tính cùng kỳ, lợi nhuận thực hiện bằng nhau: Q3.18 : 151 tỷ, Q3.19 153 tỷ . Thuế Q3 gộp cao hơn do từ 2019 – 2027, ko được ưu đãi 0% mà là 5% -> ảnh hưởng thuế là 14 tỷ. Lũy kế DTT -2%, LNTT -6% nếu adjust thì DT +9%. Các khoản chi phí 2 – 3 năm ko tăng, nguyên liệu tăng chút đỉnh. Biên LNG giảm từ 46% còn 42% do (1) thay đổi cấu trúc ngành hàng: tăng tỷ trọng hàng khác (2) trong COGS hàng sản xuất -1%: ghi nhận chi phí từ thay đổi cách hạch toán welfare fund và 10 tỷ tăng thêm do NVL tăng. Chi phí NVL trong Q4.2019 sẽ không tăng do đã mua đủ hàng cho nhu cầu.
Express DHG 2019Q4	13/11/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 73500; Giá tại Publish 56500 Về Chuyển đổi số ở FPT (1) Trong nội bộ FPT: gồm 3 mục tiêu chính (a) new model (b) tăng trải nghiệm khách hàng và © tối ưu hóa chi phí. Trong đó, F-Soft tập trung vào (a), F-Tel tập trung vào (b). Tiến độ: Đa hoàn thành kế hoạch cụ thể. Trong Q4.2019, thực hiện và triển khai. Đầu năm sẽ đưa ra kết quả nhưng điều làm được và kết quả. (2) Trong hợp tác với khách hàng: tập trung vào các dự án Chuyển đổi số. Khách hàng nước ngoài: biên LNTT của dự án CDS khoảng 19-20% (so với 16 – 17% LNTT dự án truyền thống). Khách hàng trong nước: mới làm việc với một số doanh nghiệp và đa có nhưng dự án và kế hoạch sơ bộ CDS chủ yếu đều từ các khách hàng cũ-, chủ yếu ở các lĩnh vực: automatics, logistics, utility.
Express FPT 2019Q4	14/10/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 73500; Giá tại Publish 56500 Về Chuyển đổi số ở FPT (1) Trong nội bộ FPT: gồm 3 mục tiêu chính (a) new model (b) tăng trải nghiệm khách hàng và © tối ưu hóa chi phí. Trong đó, F-Soft tập trung vào (a), F-Tel tập trung vào (b). Tiến độ: Đa hoàn thành kế hoạch cụ thể. Trong Q4.2019, thực hiện và triển khai. Đầu năm sẽ đưa ra kết quả nhưng điều làm được và kết quả. (2) Trong hợp tác với khách hàng: tập trung vào các dự án Chuyển đổi số. Khách hàng nước ngoài: biên LNTT của dự án CDS khoảng 19-20% (so với 16 – 17% LNTT dự án truyền thống). Khách hàng trong nước: mới làm việc với một số doanh nghiệp và đa có nhưng dự án và kế hoạch sơ bộ CDS chủ yếu đều từ các khách hàng cũ-, chủ yếu ở các lĩnh vực: automatics, logistics, utility.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn